



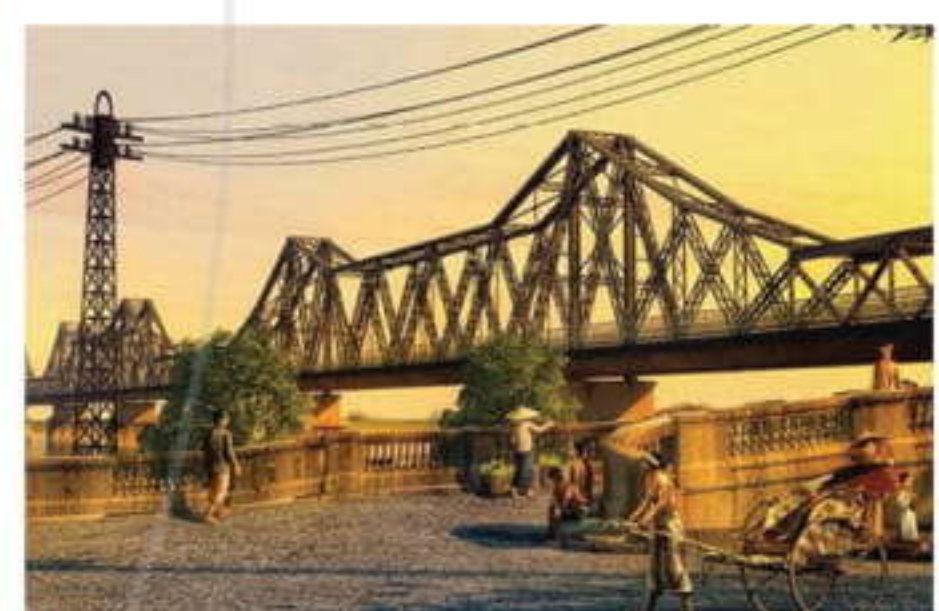
ĐỖ THANH BÌNH – NGUYỄN VIỆT THỊNH (đồng Tổng Chủ biên)
NGUYỄN VĂN NINH – ĐỖ THỊ MINH ĐỨC (đồng Chủ biên)

Lịch sử và Địa lí

6

SÁCH GIÁO VIÊN

CÁNH DIỀU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN VĂN NINH (Chủ biên phần Lịch sử)
PHẠM THỊ KIM ANH – NGUYỄN VĂN DŨNG
NGUYỄN PHÙNG TÁM

NGUYỄN VIỆT THỊNH (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
ĐỖ THỊ MINH ĐỨC (Chủ biên phần Địa lí)
KIỀU VĂN HOAN – BÙI THỊ BÍCH NGỌC

Lịch sử và Địa lí

6
SÁCH GIÁO VIÊN

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

HÀ PHƯƠNG ANH – ỨNG QUỐC CHÍNH

Thiết kế sách:

CÔNG TY VEPIC

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Sửa bản in:

TRẦN THỊ NGÂN – NGUYỄN THỊ HOÀ

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả!

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

ISBN:

In cuốn, khổ 17x24 cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 6* của *Bộ sách Cánh Diều* là hiện thực hoá của Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, được tiếp cận theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh. Cuốn sách giáo khoa là một tài liệu quan trọng để học sinh lớp 6 sử dụng trong học tập, cũng là tài liệu giúp các thầy, cô giáo trong tổ chức chuỗi các hoạt động giáo dục.

Với mục đích gợi mở, tư vấn thiết kế các hoạt động trong tổ chức dạy học bám sát nội dung của từng bài học cụ thể trong sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 6* của *Bộ sách Cánh Diều*, các tác giả đã biên soạn cuốn sách giáo viên môn *Lịch sử và Địa lí 6*.

Cuốn sách được chia thành hai phần: phần *Lịch sử* và phần *Địa lí*. Mỗi phần đều có ba nội dung chính sau:

- Những vấn đề chung.
- Hướng dẫn dạy các bài cụ thể.
- Bài soạn tham khảo.

Những vấn đề chung bao gồm: đặc điểm Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 đối với môn *Lịch sử và Địa lí 6*; cấu trúc, nội dung và dự kiến phân phối chương trình môn *Lịch sử và Địa lí 6* của *Bộ sách Cánh Diều*; định hướng về phương pháp và sử dụng thiết bị dạy học, về cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh;...

Hướng dẫn dạy các bài cụ thể là gợi ý cụ thể cho 19 bài phần *Lịch sử* và 26 bài phần *Địa lí*. Mỗi bài học được thiết kế (mang tính gợi ý) theo hướng sau: *Mục tiêu* (giáo viên giúp cho học sinh hướng tới đạt được yêu cầu gì về kiến thức, năng lực, phẩm chất); *Thiết bị dạy học và học liệu* (máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, video clip (nếu có), lược đồ, tranh ảnh, tư liệu liên quan đến bài học,...); *Những điều cần lưu ý* (về kiến thức; về phương pháp và kĩ thuật dạy học); *Tiến trình dạy học* (mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng); *Tư liệu hỗ trợ dạy học*.

Để sử dụng cuốn sách có hiệu quả, các tác giả xin có một số lưu ý sau:

Thứ nhất, việc hướng dẫn thiết kế chuỗi hoạt động dạy học theo các dạng bài có sự thống nhất trong đa dạng, nghĩa là thống nhất về quy trình, nhưng thiết kế cụ thể theo các phương án khác nhau nhằm giúp thầy, cô giáo có nhiều cơ hội lựa chọn hơn.

Thứ hai, việc thiết kế các bài học theo từng dạng bài tuy rất cụ thể, nhưng chỉ có tính gợi mở, không áp đặt, chủ yếu gợi ý cho các thầy, cô giáo cách dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Trong quá trình tổ chức dạy học, các thầy, cô giáo tham khảo những gợi ý thiết kế đó và vận dụng linh hoạt trong điều kiện của mình hay từng địa phương. Trong thực tế, nhiều thầy, cô giáo đã có rất nhiều sự sáng tạo phù hợp với từng điều kiện, từng hoàn cảnh mang lại hiệu quả cao.

Cuối mỗi phần *Lịch sử* và phần *Địa lí* có **Bài soạn tham khảo**. Đây là ví dụ minh họa cho đề xuất thiết kế chuỗi hoạt động dạy học nêu trên để các thầy, cô giáo tham khảo.

Tập thể tác giả xin trân trọng cảm ơn các thầy, cô giáo đã đón nhận và sử dụng cuốn sách *Lịch sử và Địa lí 6* của *Bộ sách Cánh Diều*. Hi vọng cuốn sách giáo khoa và sách giáo viên *Lịch sử và Địa lí 6* sẽ là tài liệu hữu ích, gắn bó với các thầy, cô giáo trong sự nghiệp giáo dục.

CÁC TÁC GIẢ

Cánh Diều



PHẦN LỊCH SỬ

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – PHẦN LỊCH SỬ

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở – phần Lịch sử

Môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở (THCS) góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh (HS) các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Trong đó, phần Lịch sử giúp hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam; các quá trình phát triển về chính trị, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá – văn minh nhân loại, khơi dậy ở HS ham muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Lịch sử

1.2.1. Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể

Phần Lịch sử 6 góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

- Các phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Các năng lực chung là: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.2. Các năng lực đặc thù

Phần Lịch sử 6 góp phần hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử với những biểu hiện sau:

** Tìm hiểu lịch sử*

- Bước đầu nhận diện và phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...).
- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên (GV) trong các bài học lịch sử.
- Bước đầu nhận diện và phân biệt được các loại hình và dạng thức khác nhau về các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử.

** Nhận thức và tư duy lịch sử*

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử, hiểu được lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ, giải thích được vì sao cần phải học lịch sử.
- Giới thiệu được các nét chính về quá trình tiến hoá từ vượn thành người; xác định được dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam; mô tả được các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy; trình bày được nét chính về đời sống của người nguyên thủy nói chung và ở Việt Nam nói riêng; nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.
- Trình bày và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự chuyển biến của xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp; lí giải được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã và sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thủy phương Đông; mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.
- Nêu được sự tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành các nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã; trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà, những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ, quá trình thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc, tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp và nhà nước đế chế ở La Mã; nêu được thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã.

– Trình bày được vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á; quá trình xuất hiện các quốc gia cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII; nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ đầu thế kỉ VII đến thế kỉ X; Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

– Trình bày được sự ra đời và phát triển của các quốc gia cổ (Văn Lang, Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam), sự suy vong của Phù Nam trên đất nước Việt Nam; trình bày được tổ chức Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc, những nét chính về tổ chức xã hội, kinh tế của Chăm-pa và Phù Nam; mô tả, nhận biết được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc cũng như một số thành tựu văn hoá của cư dân Chăm-pa và Phù Nam.

** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*

– Biết sưu tầm, xử lí các nguồn tư liệu để phục vụ học tập và cuộc sống.

– Biết khai thác, sử dụng tư liệu để lí giải nguồn gốc loài người, giải thích sự hình thành và phát triển của Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã; lí giải được tác động của công cụ lao động bằng kim loại dẫn đến sự tan rã của xã hội nguyên thủy.

– Rèn luyện kĩ năng lập biểu bảng về các sự kiện lịch sử; kĩ năng khai thác tư liệu, đọc lược đồ lịch sử, tranh luận, hợp tác nhóm, kĩ năng so sánh, đánh giá sự kiện,... rút ra bài học lịch sử, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

2. THỜI LƯỢNG CẤU TRÚC, NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – PHẦN LỊCH SỬ

2.1. Thời lượng học

Môn Lịch sử và Địa lí 6 có tổng số tiết là 105, phần Lịch sử có 52 tiết với 35 tuần học, trung bình mỗi tuần 1,5 tiết. Trong đó có 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá.

2.2. Cấu trúc sách

– Phần mở đầu sách gồm: Lời nói đầu, Kí hiệu dùng trong sách.

– Phần Lịch sử cấu trúc thành các chương, bài với 7 chương, 19 bài được thiết kế theo tiến trình: Lịch sử thế giới – Lịch sử khu vực – Lịch sử Việt Nam.

2.2.1. Nội dung chương trình và sự phân chia chương, bài và số tiết trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6 – phần Lịch sử

Nội dung chương trình	Bài trong SGK	Số tiết
TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	Chương 1. VÌ SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?	3
– Lịch sử là gì?	Bài 1. Lịch sử là gì?	2
– Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?		
– Thời gian trong lịch sử	Bài 2. Thời gian trong lịch sử	1
THỜI NGUYÊN THUỶ	Chương 2. THỜI NGUYÊN THUỶ	6
– Nguồn gốc loài người	Bài 3. Nguồn gốc loài người	2
– Xã hội nguyên thủy	Bài 4. Xã hội nguyên thủy	2
– Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp	Bài 5. Chuyển biến về kinh tế, xã hội cuối thời nguyên thủy	2
– Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy		
XÃ HỘI CỔ ĐẠI	Chương 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI	10
– Ai Cập và Lưỡng Hà	Bài 6. Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	3
– Ấn Độ	Bài 7. Ấn Độ cổ đại	2
– Trung Quốc	Bài 8. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	2
– Hy Lạp và La Mã	Bài 9. Hy Lạp và La Mã cổ đại	3
ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X	Chương 4. ĐÔNG NAM Á (TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X)	4
– Khái lược về khu vực Đông Nam Á	Bài 10. Sự ra đời của các vương quốc ở Đông Nam Á (từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X)	2
– Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á		

– Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X	Bài 11. Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)	2
VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X		
	Chương 5. NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC	5
– Nhà nước Văn Lang	Bài 12. Nước Văn Lang	3
– Nhà nước Âu Lạc	Bài 13. Nước Âu Lạc	2
	Chương 6. THỜI BẮC THUỘC VÀ CHỐNG BẮC THUỘC (TỪ THẾ KỈ II TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN NĂM 938)	12
– Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938	Bài 14. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hoá của Việt Nam thời Bắc thuộc	3
+ Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc		
+ Sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá trong thời Bắc thuộc		
– Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc	Bài 15. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập, tự chủ (từ đầu Công nguyên đến trước thế kỉ X)	5
	Bài 16. Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc	2
– Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X	Bài 17. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	2
	Chương 7. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA VÀ VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM	4
– Vương quốc Chăm-pa	Bài 18. Vương quốc Chăm-pa	2
– Vương quốc Phù Nam	Bài 19. Vương quốc Phù Nam	2

2.2.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc mỗi bài học bao gồm một chuỗi các hoạt động học tập của HS. Nhóm hoạt động được sắp xếp theo thứ tự bảo đảm tiến trình bài học chặt chẽ, bao gồm: mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng.

– Mở đầu: là những mẫu chuyện lịch sử, những dấu tích khảo cổ học, lịch sử, hoặc những câu thơ, câu nói nổi tiếng, hình ảnh,... có tác dụng khơi gợi ở HS sự tò mò, muốn khám phá nội dung lịch sử của bài học.

– Hình thành kiến thức mới: là nội dung trọng tâm của bài học. Thông qua các hoạt động học tập đa dạng với tư liệu, hình ảnh, sơ đồ, lược đồ, bảng biểu,... HS sẽ học, khám phá lịch sử một cách hứng thú.

Đặc biệt, phần kiến thức mới còn có các mục: *Em có biết?*, *Góc khám phá*, *Góc mở rộng*, giúp HS hiểu biết hơn về lịch sử trên nhiều phương diện. Qua đó, HS có điều kiện mở rộng, khám phá những điều mới lạ thông qua sách, tư liệu hoặc mạng internet.

– Luyện tập và vận dụng: là hệ thống các câu hỏi, bài tập phong phú, đa dạng, giúp HS khắc sâu nội dung bài học, vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn.

3. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – PHẦN LỊCH SỬ

Phần Lịch sử 6 được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018 có những điểm khác với chương trình giáo dục trước đây. Các nội dung và hoạt động học tập trong tất cả các chương/bài của phần Lịch sử 6 theo Chương trình GDPT năm 2018 đều được biên soạn, xây dựng theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Đó là các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: tái hiện lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

Phần Lịch sử 6 trong SGK *Lịch sử và Địa lí 6* được lựa chọn và thể hiện những nội dung cơ bản, cốt lõi, đảm bảo tính hệ thống của kiến thức và kĩ năng theo đúng Chương trình GDPT năm 2018. Nội dung của bài học vừa có độ mở, vừa được tích hợp với nhau tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học; tạo bối cảnh để HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Nội dung các bài học được thể hiện qua các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng, đáp ứng quá trình nhận thức của HS, đồng thời tạo hứng thú

và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Từng bài học có nhiều dạng câu hỏi: câu hỏi khai thác tranh ảnh, tư liệu; câu hỏi tổng hợp; câu hỏi, bài tập thực hành; câu hỏi liên hệ vận dụng,... nhằm khơi gợi sự ham thích tìm hiểu, khám phá lịch sử của HS.

4. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC, VỀ CÁCH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

4.1. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử

Hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho HS phải thông qua việc tổ chức dạy – học: lấy HS làm trung tâm, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn HS đọc, hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, phân tích, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển lịch sử; HS trở thành “người đóng vai nhân vật lịch sử”, hay “người làm sử” để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập cũng như thực tiễn cuộc sống.

Điểm mới của phần Lịch sử 6 là đưa ra các tư liệu, các kênh hình, từ đó GV tổ chức cho HS khai thác các tư liệu hay kênh hình qua các câu hỏi trong SGK. Cuối bài có câu hỏi hoặc bài tập mang tính tiểu kết, khái quát hoá, vận dụng nội dung trên vào thực tiễn.

4.2. Thiết bị dạy – học

Sử dụng thiết bị dạy – học là một yêu cầu bắt buộc của việc đổi mới phương pháp dạy – học theo định hướng phát triển năng lực ở HS. Thiết bị dạy – học tối thiểu của phần Lịch sử nói chung và phần Lịch sử 6 nói riêng bao gồm:

- Các bản đồ giáo khoa treo tường (thế giới, khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng bài học và lứa tuổi HS lớp 6.
- Tập bản đồ lịch sử lớp 6; mô hình, hiện vật, tranh – ảnh lịch sử,...
- Các tranh – ảnh (in trên giấy, hình kỹ thuật số tĩnh và động), các lược đồ, sơ đồ, các đoạn clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung từng bài học Lịch sử 6.
- Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, sơ đồ).

Ở những trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn, có thể xây dựng phòng bộ môn hoặc phòng học chuyên dụng phục vụ việc dạy – học lịch sử. Những yêu cầu về thiết bị nêu trên còn tùy thuộc vào khả năng, điều kiện mỗi trường. Nhưng trong quá trình dạy học, GV phải có những thiết bị tối thiểu như bản đồ, lược đồ lịch sử, sơ đồ, biểu đồ liên quan khi nội dung lịch sử đặt ra cần phải có. Khi sử dụng thiết bị, kênh hình trong phần Lịch sử 6, GV cần lưu ý: kênh hình không chỉ minh họa cho nội dung kênh chữ, mà chính là nội dung thay cho kênh chữ, có tác dụng kích thích HS học tập tích cực và sáng tạo.

4.3. Cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Khi đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt về năng lực chung, năng lực đặc thù lịch sử, phẩm chất chủ yếu, vận dụng vào từng bài học cụ thể để có hình thức đánh giá phù hợp.

– Đánh giá nội dung lí thuyết: hiểu biết các sự kiện lịch sử (đúng hay sai, đủ hay thiếu, cơ bản hay không cơ bản,...); khả năng tư duy, suy luận, nhận định, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử,... thông qua các hình thức: trắc nghiệm và viết luận. Đối với HS lớp 6, hình thức trắc nghiệm nên tăng cường hơn.

– Cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, lược đồ lịch sử, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh; quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin; sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử của HS làm trung tâm của việc đánh giá, thay vào đó cần chú trọng khả năng vận dụng tri thức lịch sử vào tình huống cụ thể.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện các dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về năng lực, phẩm chất và sự tiến bộ của HS.

C. BÀI SOẠN THAM KHẢO

Bài 1. LỊCH SỬ LÀ GÌ? (2 tiết)

(Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.
- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...).

2. Về năng lực

– Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện được sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua các hoạt động nhóm và trao đổi với giáo viên.

– Nhận biết và phân biệt được các loại hình tư liệu lịch sử, giá trị của các nguồn tư liệu lịch sử; đánh giá được vai trò của môn Lịch sử trong cuộc sống.

3. Về phẩm chất

- Góp phần thêm yêu quê hương, đất nước.
- Có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ các nguồn tư liệu lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu.
- Hình ảnh minh họa về các nguồn tư liệu lịch sử (trong và ngoài SGK), phiếu học tập.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu:* Xác định được vấn đề cần giải quyết liên quan đến bài học.

b) *Nội dung*: HS đưa ra ý kiến cá nhân về nội dung hai câu thơ trong phần mở đầu “Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Hãy cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên.

c) *Sản phẩm*: Các ý kiến của HS về ý nghĩa của hai câu thơ trên.

d) *Tổ chức thực hiện*:

- Bước 1: GV yêu cầu HS đọc 2 câu thơ trong SGK “Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” và nêu ý nghĩa của câu thơ trên.
- Bước 2: HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn nêu ý nghĩa của hai câu thơ trên.
- Bước 3: GV gọi một số HS phát biểu ý kiến.
- Bước 4: GV tổng hợp ý kiến của HS và kết nối vào bài học

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về lịch sử và môn Lịch sử là gì?

a) *Mục tiêu*: Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. Hiểu được lịch sử là những gì diễn ra trong quá khứ.

b) *Nội dung*: HS đọc thông tin trong SGK mục Lịch sử và môn Lịch sử là gì? và trao đổi với bạn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) *Sản phẩm*: Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ; Khoa học lịch sử là khoa học tìm hiểu và dựng lại hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ; môn Lịch sử là môn học tìm hiểu về lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ.

d) *Tổ chức thực hiện*:

– Bước 1: GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: HS đọc thông tin, quan sát hình 1.2 trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em biết gì về Hai Bà Trưng? Việc tổ chức Lễ hội đền Hai Bà Trưng theo em nhằm mục đích gì? Sự kiện khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) có phải là lịch sử không? Vì sao?*

Nhiệm vụ 2: GV giới thiệu về bản thân và đặt câu hỏi: *Phần giới thiệu về bản thân thầy/ cô giúp cho các em biết thêm những điều gì về thầy/ cô?*

Nhiệm vụ 3: Hãy giới thiệu về bản thân cho cả lớp cùng nghe qua việc sử dụng 5 tấm ảnh của mình ở những thời điểm khác nhau đã được chuẩn bị ở nhà.

Nhiệm vụ 4: Hãy giới thiệu về quê hương mình cho cả lớp cùng nghe qua việc sử dụng 5 tấm ảnh chụp quê hương mình ở những thời điểm khác nhau đã được chuẩn bị ở nhà.

– Bước 2: HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: GV gọi một số HS báo cáo kết quả, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt lại nội dung kiến thức và trao đổi với HS: Lịch sử và môn Lịch sử là gì? Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ (đó là lịch sử quốc gia – dân tộc, là lịch sử của mỗi cá nhân, cộng đồng,...); Khoa học lịch sử là khoa học tìm hiểu và dựng lại hoạt động của con người và xã hội loài người trong quá khứ; môn Lịch sử là môn học tìm hiểu về lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ.

2.2. Tìm hiểu về vì sao cần học lịch sử?

a) *Mục tiêu:* Giải thích được vì sao cần phải học môn Lịch sử.

b) *Nội dung:* HS đọc thông tin trong SGK mục Vì sao cần học lịch sử? và trao đổi với bạn để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

a) *Sản phẩm:* Lí do cần học môn Lịch sử.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm (4 nhóm) để thực hiện các nhiệm vụ trả lời các câu hỏi:

Nhóm 1 + nhóm 2: Đọc thông tin, quan sát từ hình 1.3 đến hình 1.6 trong SGK, hãy cho biết kĩ thuật canh tác nông nghiệp của nông dân Việt Nam và hệ thống giao thông ở Hà Nội có sự thay đổi như thế nào? Chúng ta cần biết sự thay đổi đó không? Vì sao?

Nhóm 3 + nhóm 4: Sự kiện trong hình 1.7 đánh dấu bước ngoặt nào của lịch sử của dân tộc Việt Nam? Qua đó hãy lí giải vì sao chúng ta cần học lịch sử.

– Bước 2: Các nhóm thảo luận, trao đổi để thực hiện nhiệm vụ và trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV gọi đại diện HS nhóm báo cáo kết quả, đại diện HS nhóm khác nhận xét.

– Bước 4: GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt nội dung kiến thức: GV làm sáng tỏ về ý nghĩa của việc học lịch sử, tìm hiểu lịch sử (GV mở rộng kể về những câu chuyện để dẫn chứng cụ thể hơn về việc học lịch sử để ca ngợi điều tốt đẹp, phê phán điều chưa đúng,...).

NỘI DUNG HỌC TẬP

– Học lịch sử để biết cội nguồn của tổ tiên, quê hương đất nước; hiểu được tổ tiên, ông cha đã sống, lao động, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay.

– Học lịch sử còn giúp chúng ta hiểu được những gì nhân loại tạo ra trong quá khứ để xây dựng được xã hội văn minh ngày nay.

3. Luyện tập

a) *Mục tiêu:* HS củng cố được kiến thức liên quan đến bài học về khái niệm lịch sử và môn Lịch sử, giải thích được vì sao cần học lịch sử.

b) *Nội dung:* HS trả lời câu 1 và câu 2 ở phần Luyện tập trong SGK.

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS về các câu hỏi trên.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân để trả lời các câu 1 và câu 2.

– Bước 2: HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ.

– Bước 3: GV gọi một số HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV củng cố và nhắc lại các yêu cầu cần đạt của bài học cho HS.

Gợi ý trả lời câu hỏi:

Câu 1: Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. Môn Lịch sử là môn học tìm hiểu về lịch sử loài người và những hoạt động chính của con người trong quá khứ. Dựa vào các nguồn sử liệu để biết và dựng lại lịch sử.

Câu 2: Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước, hiểu được tổ tiên, ông cha đã sống, lao động, đấu tranh như thế nào để có được đất nước như ngày nay. Học lịch sử còn giúp chúng ta hiểu được những gì nhân loại đã tạo ra trong quá khứ, để xây dựng được xã hội văn minh ngày nay, từ đó hình thành được ở người học ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp do con người trong quá khứ để lại.

4. Vận dụng

a) *Mục tiêu:* Vận dụng, kết nối được nội dung đã học để giải quyết tình huống trong thực tiễn liên quan đến bài học.

b) *Nội dung*: HS trả lời câu hỏi số 4 ở phần Vận dụng trong SGK để thực hiện.

c) *Sản phẩm*: Câu trả lời của HS.

d) *Tổ chức thực hiện*:

– Bước 1: GV tổ chức cho HS cả lớp hoạt động cá nhân trao đổi, thảo luận thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Một bộ phận giới trẻ hiện nay cho rằng: *Học lịch sử không có ý nghĩa gì với cuộc sống*. Suy nghĩ của em về quan điểm trên.

Nhiệm vụ 2: HS nêu ý hiểu về câu nói của chính trị gia thời cổ đại Xi-xê-rông: *“Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống”*.

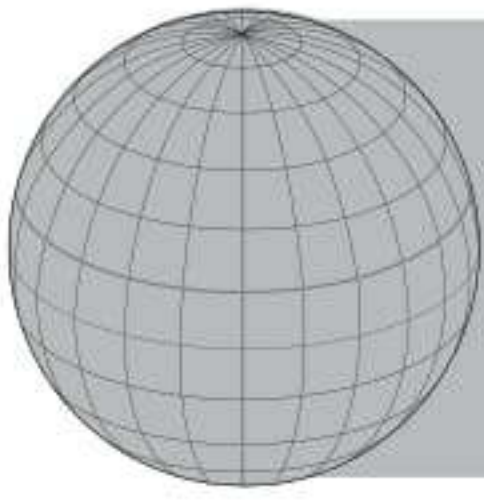
Nhiệm vụ 3: HS về nhà làm một tác phẩm gửi tương lai cho một người (con/ cháu của mình) với yêu cầu: tác phẩm thể hiện được sự thay đổi của bản thân qua thời gian và trả lời được câu hỏi em đã dùng loại tư liệu nào để thể hiện sau biết về bản thân em.

– Bước 2: HS trao đổi với bạn để thực hiện nhiệm vụ 1, 2.

– Bước 3: GV gọi một số HS báo cáo kết quả, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức.

Cánh Diều



PHẦN ĐỊA LÍ

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – PHẦN ĐỊA LÍ

1.1. Đặc điểm của môn *Lịch sử và Địa lí* – phần *Địa lí* cấp *Trung học cơ sở*

Trong Chương trình GDPT năm 2018, môn *Lịch sử và Địa lí* cấp THCS là môn học bắt buộc, được dạy ở tất cả các lớp 6, 7, 8 và 9. Là môn học bắt buộc nhưng GV cần làm sao không “bắt buộc” HS phải học, mà phải làm cho các em hào hứng, say mê học tập để mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Một số chủ đề chung là: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; Đô thị – lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Các cuộc đại phát kiến địa lí;... Các chủ đề chung này xuất hiện trong chương trình môn học các lớp 7, 8 và 9 mà không bố trí trong chương trình lớp 6.

Môn *Lịch sử và Địa lí* – phần *Địa lí* có nhiệm vụ cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực chung, đồng thời hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí – biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học.

Đặc điểm của môn *Lịch sử và Địa lí* – phần *Địa lí* còn thể hiện ở các tính chất đặc trưng của Chương trình GDPT năm 2018. Đó là tính dân tộc, tính nhân văn; tính hệ thống, tính cơ bản; tính khoa học và tính hiện đại; tính thực hành; tính mở và tính liên thông.

Mạch nội dung của phần *Địa lí* trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí* được phân bổ theo lớp như sau:

- Lớp 6: Địa lí tự nhiên đại cương.
- Lớp 7: Địa lí các châu lục.

- Lớp 8: Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Lớp 9: Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí

Do trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí* có hai mạch nội dung rõ ràng là lịch sử và địa lí nên từ phần này trở về sau, phần *Địa lí* được gọi tắt là *Địa lí*, gắn với các lớp hay toàn cấp học. Ngay trong các chủ đề chung, cũng có các phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Địa lí, có những phần mà trách nhiệm dạy học thuộc về GV Lịch sử. Việc tích hợp thể hiện ở cấu tạo chủ đề chung và cách phát triển tư duy, năng lực cho HS. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công dạy học và bố trí nhân sự ở các nhà trường.

1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- *Các phẩm chất chủ yếu* là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- *Các năng lực chung* là: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- *Các năng lực đặc thù* được hình thành, phát triển thông qua môn học và hoạt động học tập.

HS khi học *Địa lí*, sẽ hình thành *năng lực địa lí*. Năng lực địa lí gồm có ba thành phần năng lực là: năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực tìm hiểu địa lí và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– *Năng lực nhận thức khoa học địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– *Năng lực tìm hiểu địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như: sử dụng các công cụ của Địa lí học, tổ chức học tập ở thực địa và khai thác internet phục vụ môn học.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tế.

1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí

Bảng mô tả năng lực địa lí ở cấp Trung học cơ sở

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	<i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i> – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. – Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội. – Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí. – Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	<i>Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)</i> – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên: + Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống.
	– Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội: + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư,

	quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội. + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. – Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất: + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. + Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên: - Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
Tìm hiểu địa lí	<i>Sử dụng các công cụ của Địa lí học</i> – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích

	động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản.
	<i>Tổ chức học tập ở thực địa</i> Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.
	<i>Khai thác internet phục vụ môn học</i> Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i> Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	<i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tế</i> Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tế; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

1.3. Nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 phần Địa lí 6, các bài trong sách giáo khoa và kế hoạch dạy học

Các chủ đề, bài học trong SGK *Lịch sử và Địa lí 6* – phần *Địa lí* được biên soạn bám sát theo Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí 6*, nội dung giáo dục địa lí.

Toàn bộ thời lượng của môn *Lịch sử và Địa lí 6* là 105 tiết. Dự kiến *Địa lí* 53 tiết và *Lịch sử* 52 tiết.

Mặc dù trong Chương trình môn học chỉ gợi ý tỉ lệ phần trăm cho các mạch nội dung, nhưng để thuận lợi cho GV và các nhà trường trong triển khai công việc dạy học, dựa trên kinh nghiệm lên kế hoạch dạy học những năm qua, chúng tôi đưa ra kế hoạch dạy học như sau.

Phần *Địa lí 6* gồm 45 tiết học kiến thức mới; 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì.

Học kì I: 22 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 26 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 6.

– Có thể tổ chức ôn tập học kì I và kiểm tra học kì I sau bài 12.

Học kì II: 23 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 27 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 18.

– Tổ chức ôn tập học kì II và kiểm tra học kì II sau bài 26.

Bảng đối chiếu nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, các bài trong sách giáo khoa và số tiết

Nội dung Chương trình	Bài trong SGK	Số tiết
TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?	Bài mở đầu. TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?	2
- Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu - Những điều lí thú khi học môn Địa lí - Địa lí và cuộc sống	- Những câu hỏi chủ yếu khi học Địa lí - Những kỹ năng chủ yếu khi học Địa lí - Địa lí và cuộc sống	
BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	Chương 1. BẢN ĐỒ – PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	6
- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ - Các loại bản đồ thông dụng - Lược đồ trí nhớ	Bài 1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ Bài 2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ Bài 3. Lược đồ trí nhớ Bài 4. Thực hành: Đọc bản đồ. Xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ	1 3 1 1
TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	Chương 2. TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI	6

– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời – Hình dạng, kích thước Trái Đất – Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	Bài 5. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng và kích thước của Trái Đất	1
	Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả địa lí	2
	Bài 7. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả địa lí	2
	Bài 8. Xác định phương hướng ngoài thực địa	1
CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	Chương 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT	8
– Cấu tạo của Trái Đất – Các mảng kiến tạo – Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này – Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi – Các dạng địa hình chính – Khoáng sản	Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo. Núi lửa và động đất	3
	Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi	1
	Bài 11. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản	3
	Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản	1
KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	Chương 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	6
– Các tầng khí quyển. Thành phần không khí – Các khối khí. Khí áp và gió	Bài 13. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió	2

– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu – Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó	Bài 14. Nhiệt độ và mưa. Thời tiết và khí hậu	2
	Bài 15. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu	1
	Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ khí hậu và biểu đồ nhiệt độ – lượng mưa	1
NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	Chương 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	6
– Các thành phần chủ yếu của thủy quyển – Vòng tuần hoàn nước – Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ – Nước ngầm và băng hà – Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	Bài 17. Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. Tuần hoàn nước trên Trái Đất	1
	Bài 18. Sông. Nước ngầm và băng hà	2
	Bài 19. Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	2
	Bài 20. Thực hành: Xác định trên lược đồ các đại dương thế giới	1
ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT	Chương 6. ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT	6
– Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất – Các nhân tố hình thành đất – Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất – Sự sống trên hành tinh – Sự phân bố các đới thiên nhiên – Rừng nhiệt đới	Bài 21. Lớp đất trên Trái Đất	2
	Bài 22: Sự đa dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới	3
	Bài 23. Thực hành: Tìm hiểu lớp phủ thực vật ở địa phương	1

CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN	Chương 7. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN	5
– Dân số thế giới	Bài 24. Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới	3
– Sự phân bố dân cư thế giới		
– Con người và thiên nhiên	Bài 25. Con người và thiên nhiên	1
– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững	Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất	1

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÍ 6

2.1. Dạy học tích hợp

Trong chương trình môn học có đề cập đến các hình thức tích hợp trong dạy học:

- Tích hợp nội môn.
- Tích hợp lịch sử – địa lí trong nội dung cụ thể của chương trình.
- Tích hợp theo các chủ đề.
- Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn (môi trường, giới, phát triển bền vững,...).

Trong Chương trình GDPT năm 2018 môn *Lịch sử và Địa lí 6*, việc tích hợp theo các chủ đề không đặt ra vì không có chủ đề chung. Các hình thức tích hợp khác đều có.

– Tích hợp nội môn là nổi bật, để HS hiểu được sự tác động qua lại giữa các địa quyển, giữa các thành phần của nền kinh tế – xã hội, giữa thiên nhiên và con người, ở quy mô toàn cầu cũng như ở quy mô địa phương. Tích hợp nội môn mạnh trong dạy học Địa lí xuất phát từ đặc điểm của đối tượng nghiên cứu của Địa lí học là các địa tổng thể tự nhiên và các hệ thống lãnh thổ kinh tế – xã hội ở các quy mô khác nhau và mối quan hệ qua lại giữa các hệ thống này.

– Tích hợp lịch sử – địa lí: Trong các bài học, ở những nội dung cụ thể có thêm các kiến thức lịch sử, để HS mở rộng thêm hiểu biết và có ý thức về việc liên hệ giữa lịch sử và địa lí. Tuy nhiên, nhìn ở tầm bao quát, việc tích hợp lịch sử – địa lí không hạn chế ở việc đưa các sự kiện lịch sử vào trong dạy học Địa lí hay đưa các dữ kiện

địa lí vào trong bài dạy Lịch sử. Điều quan trọng là khi học về địa lí, HS biết vận dụng cả quan điểm lịch sử, nhìn sự vật và hiện tượng trong các bối cảnh lịch sử cụ thể, trong sự vận động và phát triển. Ngược lại, khi học về lịch sử, HS biết đặt các sự kiện lịch sử trong bối cảnh địa lí cụ thể, hiểu được vai trò của các nhân tố địa lí đối với tiến trình lịch sử của nhân loại.

– Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn: Giáo dục môi trường và phát triển bền vững,... là khả năng vốn có của dạy học Địa lí. Có thể nói, trong Chương trình GDPT năm 2018 phần *Địa lí 6* có nhiều dư địa cho sự kết hợp này.

Dạy học tích hợp là một xu hướng trong đổi mới quan điểm và phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay. Tuy nhiên, GV rất cần lưu ý rằng dạy học tích hợp có ưu điểm nhưng cũng có những hạn chế không nhỏ nếu như GV say sưa phát triển những khía cạnh tích hợp, nhưng lại xa rời những kiến thức cốt lõi của môn học, của bài học. Để phát huy ưu điểm và hạn chế nhược điểm của dạy học tích hợp, trước hết cần phải xác định trục gồm mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, năng lực cần hình thành cho HS, rồi mới xác định các địa chỉ tích hợp, nội dung tích hợp, mức độ tích hợp và phương thức tích hợp. Việc tích hợp phải xoay quanh cái trục đó và phải đạt được mục tiêu kép: nâng cao chất lượng dạy học của môn học và nâng cao được năng lực học tích hợp, tư duy tích hợp ở HS.

2.2. Dạy học phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh

Việc phát triển các phẩm chất và năng lực chung của HS tiềm ẩn ở trong nội dung giảng dạy, ở ý đồ của các tác giả SGK, nhưng về cơ bản, việc phát triển phẩm chất và năng lực chung của HS là thông qua các hoạt động học tập.

Khi dạy học phát triển phẩm chất và năng lực của HS, cần chú ý những điểm khác với việc dạy học dựa trên nội dung ở cả cách tiếp cận và phương pháp dạy học.

– Dạy học phát triển năng lực hướng đến việc HS biết gì và có thể làm được gì sau khi học. Vì thế, trong các bài học phát triển năng lực, mục tiêu sẽ ghi “Học xong bài này, em sẽ mô tả được/ giải thích được/ vận dụng được,...”). Ngược lại, việc dạy học dựa trên nội dung chú trọng truyền tải đến HS những nội dung gì sau khi học. Vì thế, trong các giáo án (kế hoạch dạy học) sẽ ghi mục tiêu là “Trang bị cho HS ... những kiến thức, kĩ năng ...”.

– Dạy học phát triển năng lực đòi hỏi HS được trải nghiệm, được thực hành trong những tình huống học tập và vận dụng thực tế khác nhau. Vì thế, trong quá trình dạy học, không nên cho HS thực hành lặp đi lặp lại bài tập một cách đơn điệu mà cần có các tình huống đa dạng, giúp HS có thể vận dụng kiến thức và kĩ năng

đã học vào các trường hợp tương tự, có thể có các thao tác tư duy: cụ thể hoá, khái quát hoá, suy luận,...

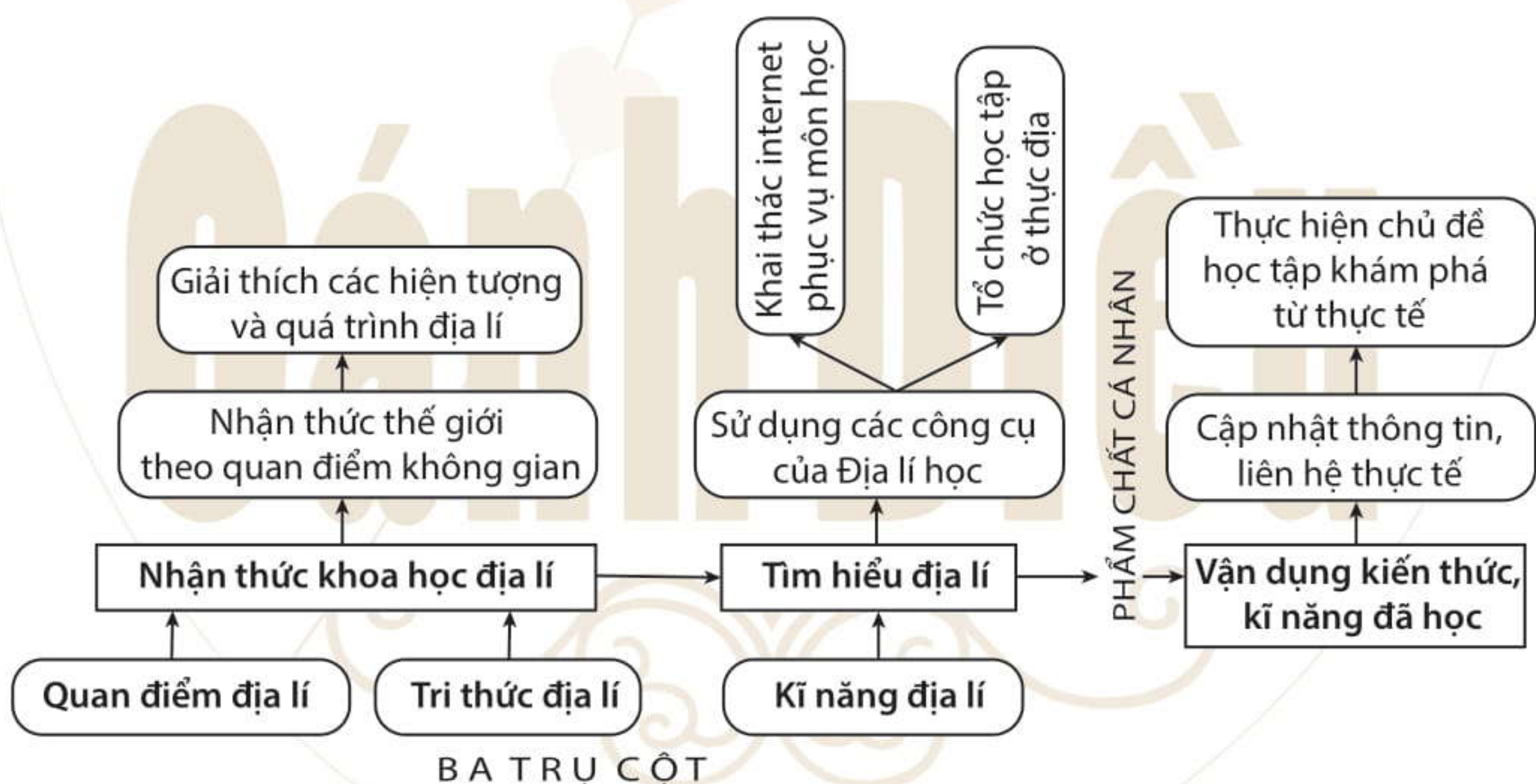
– Khi xây dựng các bài tập cho HS, cần hạn chế những dạng bài đòi hỏi tái hiện kiến thức đơn thuần. Ngay cả trong trường hợp tái hiện kiến thức, cũng cần yêu cầu HS tái tạo lại kiến thức dưới các dạng thích hợp. Cần chú trọng các dạng bài tập yêu cầu vận dụng.

– Cần hình dung một cách rõ ràng yêu cầu cần đạt của từng bài, từng chương như là những bước cụ thể để hình thành và phát triển năng lực cho HS. Bên cạnh những thành phần của năng lực địa lí có liên quan mật thiết với yêu cầu cần đạt, thông qua những hình thức tổ chức dạy học, GV có thể hướng sự ưu tiên đến năng lực chung cần phát triển.

– Cần nắm vững mối quan hệ giữa các thành phần của năng lực.

Dưới đây là sơ đồ cấu trúc năng lực địa lí của HS. Trong sơ đồ này, có thể thấy rằng muốn đạt được sự phát triển ở mức độ cao về năng lực thì những năng lực nền tảng phải vững. Trong sơ đồ cũng chỉ rõ vai trò của các phẩm chất cá nhân để HS vận dụng thành công kiến thức, kĩ năng đã học.

Ba trụ cột tạo nên năng lực địa lí đối với HS là: quan điểm địa lí, tri thức địa lí và kĩ năng địa lí.



Sơ đồ cấu trúc năng lực địa lí của học sinh

Quan điểm địa lí: theo cách hiểu hiện đại, là sự kết hợp quan điểm không gian và quan điểm sinh thái.

Tri thức địa lí (cơ bản) có thể tóm tắt như sau:

- Phân bố không gian các đối tượng và hiện tượng địa lí.
- Mỗi quan hệ giữa các hiện tượng địa lí tự nhiên (tương hỗ, nhân quả).
- Mỗi quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế – xã hội (tương hỗ, nhân quả).
- Mỗi quan hệ qua lại giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế – xã hội.
- Các vấn đề của phát triển (tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường).

Các kĩ năng địa lí rất đa dạng và ngày càng mở rộng, gồm có:

– Kĩ năng nhận biết các đối tượng, hiện tượng địa lí (trả lời các câu hỏi: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào?).

– Kĩ năng nhận biết các mối quan hệ nhân quả, tương hỗ (đặc biệt là biểu hiện trong quan hệ không gian) giữa các hiện tượng tự nhiên, kinh tế – xã hội, kinh tế – xã hội với môi trường (trả lời câu hỏi: Tại sao?).

– Kĩ năng đọc, hiểu và giải thích bản đồ/ lược đồ.

– Kĩ năng xây dựng, đọc, phân tích biểu đồ.

– Kĩ năng đọc và phân tích các hình ảnh có ý nghĩa địa lí.

– Kĩ năng xử lí và phân tích số liệu.

– Kĩ năng làm việc với các mô hình địa lí (quả Địa Cầu, la bàn, mô hình khối, mô hình động, sơ đồ,...).

Những kĩ năng này được sử dụng để HS đặt các câu hỏi địa lí, thu thập thông tin địa lí, tổ chức thông tin địa lí, phân tích thông tin địa lí và cuối cùng là trả lời câu hỏi địa lí. Việc trả lời được câu hỏi địa lí sẽ dẫn đến việc HS có thể vận dụng điều học được vào các tình huống trong học tập và thực tế.

Trong dạy học phát triển phẩm chất và năng lực của HS, cần xác định và lựa chọn các phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tích cực hoá hoạt động học tập của HS. GV hiện nay đã biết và sử dụng khá nhiều các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực, tuy nhiên, cần suy nghĩ cặn kẽ về việc sử dụng và kết hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học để có thể vừa tích cực hoá hoạt động của HS, vừa làm tốt công tác quản lí lớp. Một số lưu ý đối với GV:

– Không được lãng phí hay lạm dụng các kĩ thuật dạy học. Kĩ thuật dạy học tích cực có thể phát huy hiệu quả khi nó là “mới lạ” với HS, nhưng nếu điều này kéo dài trong suốt bốn năm THCS thì sẽ trở nên nhàm chán và GV đứng trước tình thế không biết sẽ cải tiến phương pháp dạy học thế nào cho hiệu quả.

– Một bài dạy có thể sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng HS, bối cảnh sư phạm,... Nhưng GV có thể nhận thấy phương pháp và kỹ thuật dạy học nào có hiệu quả hơn khi khai thác nội dung bài học cụ thể.

– Trong giờ học, không nên duy trì không khí lớp học lúc nào cũng “náo nhiệt” ở cường độ cao. Cần có những “khoảng lặng”, một chút trầm xuống, đó là những khoảnh khắc cần thiết để HS suy ngẫm về kiến thức mới và cả thưởng thức những thành quả lao động của mình.

Những gợi ý cụ thể về tổ chức hoạt động dạy học đối với từng chương, bài có ở trong phần sau của sách này.

2.3. Đánh giá kết quả giáo dục

Trong dạy học Địa lí, GV cần nắm vững tầm quan trọng của việc đánh giá, từ đó mới có thể phân tích tốt thông tin từ việc đánh giá quá trình học tập cũng như kết quả đạt được của HS. Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt đã được xác định trong chương trình môn học và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS. Thông qua đánh giá, GV cần giúp cho HS học tốt hơn môn Địa lí.

Trong các tài liệu về giáo dục, người ta nói đến sáu kiểu đánh giá học tập của HS, đó là:

- Đánh giá chẩn đoán: được sử dụng khi GV bắt đầu một khoá dạy học nhằm biết được điểm mạnh, điểm yếu, kiến thức, kỹ năng,... của HS.
- Đánh giá quá trình: được thực hiện đều đặn trong quá trình dạy học.
- Đánh giá giữa kì: thực hiện vào giữa học kì.
- Đánh giá tổng kết: thực hiện khi đánh giá học kì, đánh giá cuối năm.
- Đánh giá so với chuẩn: so sánh thành tích học tập của HS với các HS khác trong quy mô tỉnh hay cả nước (trong các kì thi, đánh giá của địa phương hay toàn quốc).
- Đánh giá theo tiêu chuẩn: đo thành tích học tập của HS so với mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể hay theo chuẩn chương trình.

GV cần nắm vững đặc điểm của các kiểu đánh giá được triển khai trong thực tế, và chuẩn bị cho HS đáp ứng tốt nhất với yêu cầu của kiểu đánh giá. Đối với Địa lí 6, GV chủ yếu thực hiện đánh giá quá trình, đánh giá giữa kì và đánh giá tổng kết.

Để đánh giá có hiệu quả, cần có **chiến lược đánh giá** phù hợp. Điều này cần được thực hiện trong quá trình dạy học như sau:

- Ở mỗi chương, chủ đề, GV cần chia sẻ cho HS biết yêu cầu cần đạt, mục tiêu kì vọng trước khi dạy học.

- GV cần giải thích cho HS về yêu cầu học tập cho toàn bộ chương trình và giúp các em nhận thức được các chuẩn chương trình mà các em đang hướng tới, kết quả cần được thể hiện thế nào.

- GV cần tạo cơ hội cho HS tự đánh giá.

- GV cần chú trọng đến phản hồi khi đánh giá, giúp HS biết được các em cần làm gì để cải thiện thành tích học tập.

- GV cần tạo không khí cộng tác trong lớp, coi trọng việc phân tích, thảo luận và tư duy phản biện.

- GV cần có các biện pháp khích lệ HS vươn lên.

GV cần sử dụng kết hợp các **công cụ đánh giá**. Những công cụ đánh giá phổ biến là:

- Quan sát trên lớp.

- Phản hồi về thành tích của HS (kể cả việc nhận xét bài làm của HS).

- Trắc nghiệm khách quan.

- Viết tự luận.

- Bảng hỏi có cấu trúc.

- Vấn đáp.

- HS tự đánh giá.

- Đánh giá đồng đẳng.

Trong khi sử dụng công cụ HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, GV nên xây dựng phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric) để đánh giá mức độ đạt được của mục tiêu học tập thông qua đánh giá sản phẩm học tập hay sản phẩm dự án nào đó của HS.

C. BÀI SOẠN THAM KHẢO

Bài 1. HỆ THỐNG KINH VĨ TUYẾN. TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ CỦA MỘT ĐỊA ĐIỂM TRÊN BẢN ĐỒ

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.
- Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực đặc thù của môn Địa lí:
 - + Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Định hướng không gian thông qua xác định các đường kinh, vĩ tuyến, các bán cầu và xác định toạ độ địa lí của một địa điểm.
 - + Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ của địa lí học thông qua khai thác tài liệu tranh ảnh, văn bản, quả Địa Cầu.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Liên hệ thực tiễn để xác định toạ độ địa lí của một địa điểm thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần hình thành cho HS các phẩm chất như: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị: máy tính, máy chiếu, bảng phấn cá nhân.
- Học liệu: quả Địa cầu, SGK, phiếu bài tập, tranh ảnh địa lí.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

- Mục tiêu:* Tạo tình huống cho tiết học và sự tò mò hứng thú cho HS.
- Nội dung:* HS quan sát máy chiếu, trả lời câu hỏi tình huống.

c) *Sản phẩm*: HS vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) *Tổ chức thực hiện*:

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi tình huống: Tuấn cùng bố đi câu cá trên biển. Tình cờ hai bố con nhận được tín hiệu cấp cứu của một tàu bị nạn tại vị trí (10°B , 110°Đ). Hãy giúp Tuấn và bố của Tuấn xác định vị trí của con tàu bị nạn trên bản đồ để thông báo với đội cứu hộ trên biển?

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi 3 HS lên xác định vị trí của tàu bị nạn trên bản đồ.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: GV trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Lưu ý: GV chia nhóm để thực hiện các nhiệm vụ trong tiết học. GV cử thư kí cho tiết học. Đại diện nhóm trả lời chính xác các nhiệm vụ học tập sẽ nhận được sao của GV. Nhóm nào tích lũy được nhiều sao là nhóm giành chiến thắng.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về kinh tuyến và vĩ tuyến

a) *Mục tiêu*: Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo và các bán cầu.

b) *Nội dung*: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

c) *Sản phẩm*: HS tìm hiểu kiến thức và xác định được trên quả Địa Cầu những kiến thức sau:

1. Kinh tuyến gốc, xích đạo và các bán cầu

a) *Tìm hiểu kiến thức*

– Kinh tuyến gốc là đường kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uyt ở ngoại ô thủ đô Luân-đôn nước Anh, được đánh số 0° .

+ Bán cầu Đông nằm bên phải của kinh tuyến gốc.

+ Bán cầu Tây nằm bên trái của kinh tuyến gốc.

– Vĩ tuyến gốc là đường xích đạo, được đánh số 0° .

+ Bán cầu Bắc nằm phía trên đường xích đạo.

+ Bán cầu Nam nằm bên dưới đường xích đạo.

b) *Xác định được trên quả Địa Cầu*: kinh tuyến gốc, xích đạo và các bán cầu.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về kinh tuyến gốc, xích đạo và các bán cầu**

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào hình 1.2, kiến thức trong SGK trang 103, 104 và trao đổi theo nhóm xác định kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu trên quả Địa Cầu.

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS tự nghiên cứu nhiệm vụ trong thời gian 1 phút.

+ HS trao đổi theo nhóm để tìm hiểu kiến thức và xác định kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu trên quả Địa Cầu trong thời gian 3 phút.

+ GV quan sát và trợ giúp các nhóm.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi ngẫu nhiên thành viên của từng nhóm trình bày các khái niệm và xác định trên quả Địa Cầu kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. Các nhóm khác nhận xét.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: Nhóm nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 sao của GV. GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chuẩn hoá kiến thức.

*** Nhiệm vụ 2: Xác định kinh tuyến gốc, xích đạo và các bán cầu**

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trò chơi: “Cần gì cần gì?”. Mỗi nhóm được cung cấp 2 dải giấy đề can màu xanh, đỏ và 2 hình tròn nhỏ màu xanh, 2 hình tròn nhỏ màu đỏ. GV hô: *Tôi cần?* HS đáp: *Cần gì cần gì?* Trước mỗi yêu cầu sau:

+ Dán dải giấy màu xanh vào đường kinh tuyến gốc.

+ Dán dải giấy màu đỏ vào đường xích đạo.

+ Dán hình tròn đỏ vào vị trí của 1 thành phố ở bán cầu Bắc và 1 thành phố bán cầu Nam.

+ Dán hình tròn xanh vào vị trí của 1 thành phố ở bán cầu Đông và 1 thành phố bán cầu Tây.

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm bóc sẵn các dải giấy và hình tròn.

+ Các nhóm thảo luận và cùng nhau hoàn thành các nhiệm vụ của GV đưa ra trong thời gian 20 giây.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS với vai trò ban giám khảo sẽ hỗ trợ GV kiểm tra kết quả của các nhóm.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: Nhóm nào hoàn thành chính xác và nhanh nhất các nhiệm vụ của GV sẽ nhận được 2 sao. Các nhóm còn lại hoàn thành chính xác, thời gian chậm hơn sẽ nhận được 1 sao. GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

2.2. Tìm hiểu về tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ

a) *Mục tiêu*: Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.

b) *Nội dung*: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV.

c) *Sản phẩm*: HS hoàn thành các nhiệm vụ.

2. Tọa độ địa lí

– Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng độ, từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó.

– Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng độ, từ vĩ tuyến gốc đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

– Kinh độ và vĩ độ của một địa điểm được gọi là tọa độ địa lí.

– Cách viết tọa độ của một địa điểm: vĩ độ trước, kinh độ sau.

– Ghi được tọa độ của một địa điểm theo yêu cầu trên bản đồ và quả Địa Cầu.

d) *Tổ chức thực hiện*:

*** Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ**

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK trang 104, 105, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

+ *Kinh độ, vĩ độ là gì? Kinh độ Tây, kinh độ Đông là gì? Vĩ độ Bắc, vĩ độ Nam là gì?*

+ *Tọa độ địa lí của một địa điểm là gì? Nêu cách viết tọa độ địa lí của một địa điểm?*

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS nghiên cứu, suy nghĩ và trả lời.

+ GV quan sát và trợ giúp HS.

– Bước 3: Báo cáo: Một số HS trình bày.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: HS nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 sao cho nhóm của mình. GV nhận xét, đánh giá về thái độ, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

*** Nhiệm vụ 2: Ghi tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ**

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Có các kho báu được cất giấu ở các điểm B, C trong hình 1.3 và H, K trong hình 1.4. Hãy ghi lại tọa độ lí của điểm B, C, H, K để tìm được kho báu đó.

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp và ghi lại kết quả.

– Bước 3: Báo cáo: Một số HS trình bày.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, kết quả hoạt động. HS ghi chính xác vị trí của các điểm sẽ được bốc thăm nhận các kho báu. HS nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 sao cho nhóm của mình. GV chốt kiến thức.

Lưu ý: GV hỏi lại tình huống mở bài: Bạn nào là người đã xác định đúng của vị trí tàu bị nạn? HS trả lời và phân tích lỗi sai của các đáp án còn lại.

3. Luyện tập

a) *Mục tiêu:* Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS.

b) *Nội dung:* HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) *Sản phẩm:* HS hoàn thành câu hỏi.

d) *Tổ chức thực hiện:*

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trò chơi “Rung chuông Vàng”. Luật chơi: Có 1 bộ câu hỏi gồm 6 câu. HS trả lời vào bảng. Nếu HS trả lời đúng thì được trả lời câu tiếp theo, ngược lại HS không trả lời đúng sẽ phải dừng cuộc chơi. Những HS còn lại cuối cùng trả lời đúng câu hỏi được vinh danh là những người xuất sắc nhất và giành chiến thắng. Bộ câu hỏi:

* Quan sát hình 1.2, trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Vĩ tuyến nào dài nhất?

Câu 2. Vĩ tuyến nào ngắn nhất?

Câu 3. Độ dài đường kinh tuyến gốc so với các kinh tuyến khác như thế nào?

* Quan sát hình 1.3, trả lời các câu hỏi:

Câu 5. Ghi toạ độ địa lí của điểm D.

Câu 6. Ghi toạ độ địa lí của điểm E.

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và viết vào bảng trong thời gian 20 giây.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS giờ đáp án.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chiếu đáp án, HS đối chiếu và tự chấm. GV tặng 3 sao cho nhóm có nhiều HS rung được chuông vàng nhất. GV nhận xét, đánh giá về thái độ, kết quả hoạt động.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức toạ độ địa lí để tìm vị trí thành phố/ thủ đô của một số quốc gia và nêu cách xác định toạ độ địa lí của một địa điểm thông qua các ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS:

+ *Hãy ghi toạ độ địa lí của 1 thành phố/ thủ đô vừa ở bán cầu Bắc và vừa ở bán cầu Đông mà các nhóm xác định trên quả Địa Cầu ở nhiệm vụ 2 hoạt động 1.*

+ *Ngoài cách xác định toạ độ địa lí của một địa điểm thông qua bản đồ hoặc quả Địa Cầu. Hãy nêu cách khác có thể xác định được toạ độ địa lí của một địa điểm trên Trái Đất.*

– Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án, ghi vào Phiếu học tập.

– Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi nhóm có kết quả nhanh nhất. HS khác nhận xét, bổ sung.

– Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS và tặng 1 sao cho nhóm trả lời đúng và nhanh nhất.

MỤC LỤC

Phần Lịch sử

Lời nói đầu	3
A. Những vấn đề chung	5
B. Hướng dẫn dạy các bài cụ thể	13
Chương 1. Vì sao cần học lịch sử?	13
Bài 1. Lịch sử là gì?	13
Bài 2. Thời gian trong lịch sử	16
Chương 2. Thời nguyên thủy	19
Bài 3. Nguồn gốc loài người	19
Bài 4. Xã hội nguyên thủy	23
Bài 5. Chuyển biến về kinh tế, xã hội cuối thời nguyên thủy	27
Chương 3. Xã hội cổ đại	31
Bài 6. Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	31
Bài 7. Ấn Độ cổ đại	36
Bài 8. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	40
Bài 9. Hy Lạp và La Mã cổ đại	44
Chương 4. Đông Nam Á (từ những thế kỉ tiếp giáp công nguyên đến thế kỉ X)	49
Bài 10. Sự ra đời và phát triển của các vương quốc ở Đông Nam Á (từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X)	49
Bài 11. Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X)	53
Chương 5. Nước Văn Lang, Âu Lạc	56
Bài 12. Nước Văn Lang	56
Bài 13. Nước Âu Lạc	61

Chương 6. Thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (từ thế kỉ II trước Công nguyên đến năm 938)	64
Bài 14. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hoá của Việt Nam thời Bắc thuộc	64
Bài 15. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập, tự chủ (từ đầu Công nguyên đến trước thế kỉ X)	68
Bài 16. Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc	72
Bài 17. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	75
Chương 7. Vương quốc Chăm-pa và Vương quốc Phù Nam	79
Bài 18. Vương quốc Chăm-pa	79
Bài 19. Vương quốc Phù Nam	82
C. Bài soạn tham khảo	87

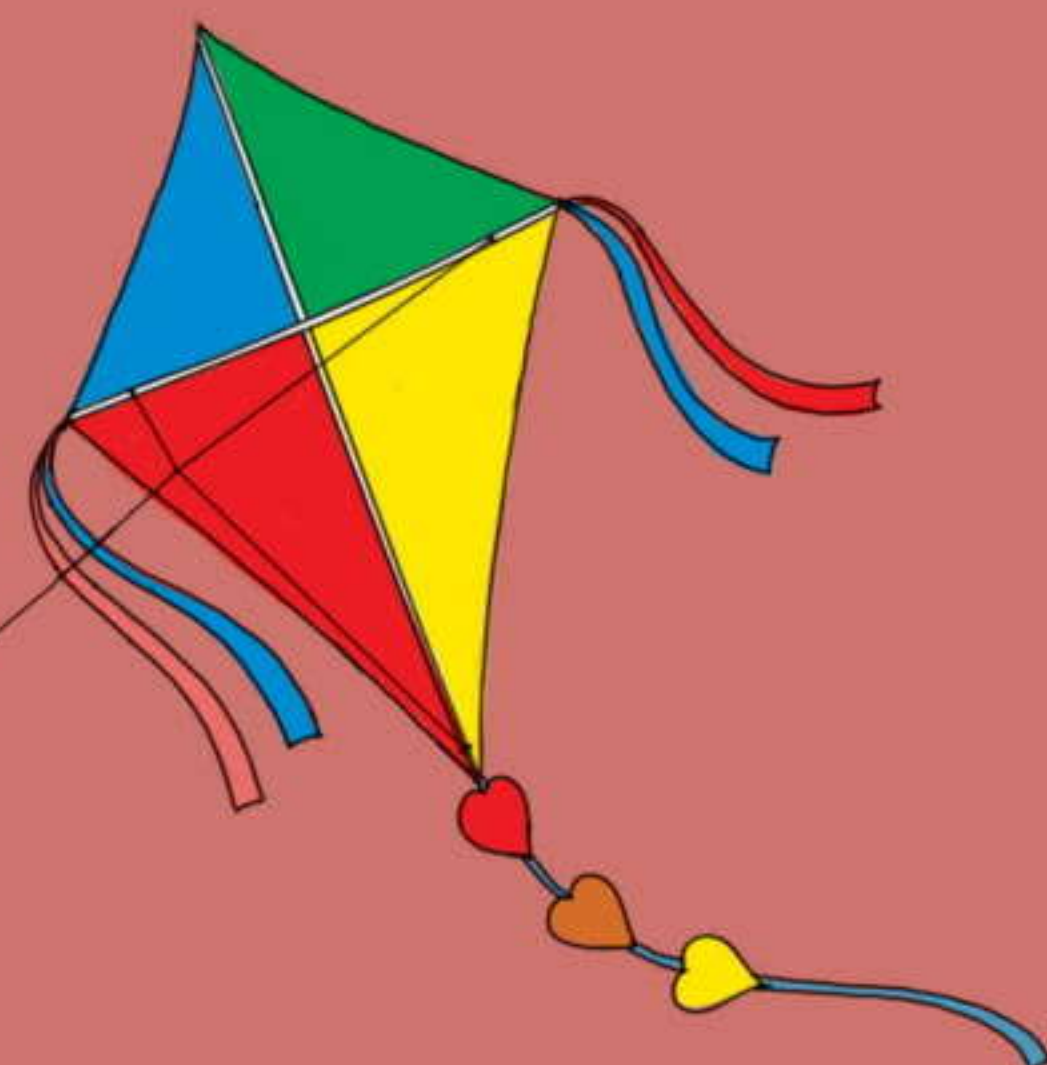
Phần Địa lí

A. Những vấn đề chung	92
B. Hướng dẫn dạy các bài cụ thể	106
Bài mở đầu. Tại sao cần học Địa lí?	106
Chương 1. Bản đồ – Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	109
Bài 1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ	109

Bài 2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ	113
Bài 3. Lược đồ trí nhớ	118
Bài 4. Thực hành: Đọc bản đồ. Xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ	121
Chương 2. Trái Đất – Hành tinh trong hệ Mặt Trời	124
Bài 5. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng và kích thước của Trái Đất	124
Bài 6. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và các hệ quả địa lí	127
Bài 7. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các hệ quả địa lí	132
Bài 8. Xác định phương hướng ngoài thực địa	137
Chương 3. Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất	141
Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo. Núi lửa và động đất	141
Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi	145
Bài 11. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản	149
Bài 12. Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản	152
Chương 4. Khí hậu và biến đổi khí hậu	155
Bài 13. Khí quyển của Trái Đất. Các khối khí. Khí áp và gió	155

Bài 14. Nhiệt độ và mưa. Thời tiết và khí hậu	160
Bài 15. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu	164
Bài 16. Thực hành: Đọc lược đồ khí hậu và biểu đồ nhiệt độ – lượng mưa	168
Chương 5. Nước trên Trái Đất	171
Bài 17. Các thành phần chủ yếu của thủy quyển. Tuần hoàn nước trên Trái Đất	171
Bài 18. Sông. Nước ngầm và băng hà	174
Bài 19. Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	178
Bài 20. Thực hành: Xác định trên lược đồ các đại dương thế giới	182
Chương 6. Đất và sinh vật trên Trái Đất	184
Bài 21. Lớp đất trên Trái Đất	184
Bài 22. Sự đa dạng của thế giới sinh vật. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới	189
Bài 23. Thực hành: Tìm hiểu lớp phủ thực vật ở địa phương	193
Chương 7. Con người và thiên nhiên	195
Bài 24. Dân số thế giới. Sự phân bố dân cư thế giới. Các thành phố lớn trên thế giới	195
Bài 25. Con người và thiên nhiên	199
Bài 26. Thực hành: Tìm hiểu tác động của con người lên môi trường tự nhiên trong sản xuất	202
C. Bài soạn tham khảo	205

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 Cánh Diều

1. Ngữ văn 6 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 6 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 6
4. Lịch sử và Địa lí 6
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Tin học 6
8. Giáo dục thể chất 6
9. Âm nhạc 6
10. Mĩ thuật 6
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
12. Tiếng Anh 6 Explore English

TÌM ĐỌC

CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 6 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC



TEM CHỐNG GIẢ

Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập
trang web: <https://canhdiều.monkey.edu.vn>

ISBN 978-604-54-8102-8



9 786045 481028